TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Trang Phượng

Ông Lê Quang Đầy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1980 (xin vắng).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Út M, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày:*

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên ông L kết hôn với bà M vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Khi thành hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và do bà M không chung thủy trong vấn đề tình cảm. Ông L có khuyên nhưng bà M vẫn không thay đổi. Vợ chồng ông L đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2014 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ

chồng không còn, hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên ông Phạm Văn L xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Út M.

- Về con chung: Ông L xác định vợ chồng ông không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Út M:*

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà M không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà M vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa:

Ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Út M vắng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Út M nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bà M cư trú tại ấp M, xã T, huyện N, tỉnh C . nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Phạm Văn L có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị Út M đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử sơ thẩm lần 01, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà M.

[2]. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Năm 2009 ông L và bà M kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 12 tháng 11 năm 2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87. Vì vậy quan hệ hôn nhân của ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Út M được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Ông L yêu cầu ly hôn với bà M vì cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường bất đồng quan điểm, bà M không chung thủy trong vấn đề tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông L, bà M cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà M để hàn gắn hôn nhân nhưng bà M vắng mặt, không đến Tòa án để trình bày ý kiến chứng tỏ bà M không có thiện chí hàn gắn hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa ông L và bà M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn L đối với bà Nguyễn Thị Út M theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch ông Phạm Văn L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông L được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

- Về hôn nhân: Cho ông Phạm Văn L được ly hôn bà Nguyễn Thị Út M.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí:

Ông Phạm Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015470 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, không phải nộp tiếp.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hồng Ngân